

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thư viện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 14/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Xét Tờ trình số 5426/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng về phí thư viện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

1. Người nộp phí:

Các cá nhân có nhu cầu sử dụng vốn tài liệu của thư viện.

2. Tổ chức thu phí:

Là đơn vị trực tiếp quản lý thư viện.

3. Mức thu phí:

a. Phí thẻ đọc, mượn tài liệu:

- Tại thư viện tỉnh:

+ Bạn đọc là người lớn: 20.000 đồng/thẻ/năm.

+ Bạn đọc là trẻ em (dưới 16 tuổi): 10.000 đồng/thẻ/năm.

- Tại thư viện cấp huyện:

+ Bạn đọc là người lớn: 10.000 đồng/thẻ/năm.

+ Bạn đọc là trẻ em (dưới 16 tuổi): 5.000 đồng/thẻ/năm.

b. Phí thẻ đọc, mượn tài liệu tại thư viện trường học, xã, phường, thị trấn:

+ Bạn đọc là người lớn: 6.000 đồng/thẻ/năm.

+ Bạn đọc là trẻ em (dưới 16 tuổi): 3.000 đồng/thẻ/năm.

c. Đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu không thường xuyên: 2.000 đồng/người/lượt.

d. Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác bằng 02 lần mức phí thẻ đọc tài liệu.

4. Chế độ miễn, giảm phí thư viện:

a. Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

b. Giảm 50% phí thư viện đối với các trường hợp sau:

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

5. Kê khai, nộp phí của tổ chức thu:

- Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí được để lại theo chương, mục, tiểu mục tương đương của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

- Chậm nhất là ngày 05 tháng sau, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

6. Quản lý và sử dụng phí:

- Đơn vị thu phí được để lại 100% tổng số tiền phí thu được để phục vụ công việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

- Chứng từ thu phí thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế nội dung quy định về phí thư viện tại Nghị quyết số 09/2003/NQ-HĐ ngày 11/12/2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2003 và mục tiêu nhiệm vụ năm 2004.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. /

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh và UBND tỉnh (đăng công báo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Sở Tài chính;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT-HĐND.



Dương Văn Trang